

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B B  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : **24 / 2018/ HNGĐ-ST**

Ngày: **11 / 7 /2018**

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Ông Tạ Văn Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chiêm Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa :** Ông Trần Thông, Kiểm sát viên .

Ngày **11** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, để xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 236/ 2017/ TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26 / 2018 / QĐXXST – HNGĐ ngày 18/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/ 2018/ QĐST – DS ngày 08/ 6 /2018 giữa các đương sự :

**-Nguyên đơn:** Chị Trần Xuân Bảo Ng, sinh năm 1988

**-Bị đơn:** Anh Lê Minh H, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: thôn B Ng, xã B T, huyện B B, Bình Thuận

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm S, sinh năm 1918

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn Q, sinh năm 1950

Địa chỉ: thôn B Ng, xã B T, huyện B B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt chị Ng, vắng mặt anh H, ông Q;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và bản khai nguyên đơn trình bày :**

-Về hôn nhân: Chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H có tìm hiểu quen nhau khoảng 01 năm. Hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức cưới năm 2010 . Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T năm 2011. Sau khi cưới chị Ng và anh H sống tại B T cuộc sống bình thường. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng xảy ra cãi nhau và nhiều lần chị Ng bị đánh đập, có lần chị Ng phải nhập viện, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị Ng đã ly thân anh H từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Chị Ng về sống cha mẹ ruột tại xã H

S, huyện HTB. Vì vậy tình cảm giữa chị Ng và anh H không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị Ng và anh H có 01 con chung: Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011, hiện nay cháu Kh đang ở với chị Ng. Chị Ng yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con một tháng 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung:

Ngày 23/01/2018 nguyên đơn có đơn yêu cầu định giá tài sản đang tranh chấp. Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá tài sản.

- Tại buổi định giá tài sản ngày 23/3/2018 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá, xác định: tài sản đang tranh chấp như sau:

+ Đất ở nông thôn diện tích 101m<sup>2</sup> trị giá 46.965.000đồng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 566035 do UBND huyện B B cấp ngày 26/3/2013 đứng tên Lê Minh H toạ lạc thôn B Ng, xã B T, huyện B B

+ Nhà ở gồm:

- Mái che khung sắt giá: 19.876.800đồng

- Nhà cấp 4A diện tích 137,4m<sup>2</sup> giá 417.696.000đồng

- Nhà vệ sinh giá : 11.592.000đồng

Tổng cộng căn nhà giá 449.164.800đồng.

**Tài sản chung nhà và đất : 496.129.800đồng**

Quá trình hòa giải chị Ng yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung như sau:

+ Đối với phần đất thổ cư diện tích 101 m<sup>2</sup> trước đây chị yêu cầu chia , nay chị Ng không yêu cầu vì đất của bên gia đình anh H. Chị chỉ yêu cầu chia căn nhà cấp 4A và 01 chiếc xe Nouvo anh H đã bán 15.000.000đồng.

Chị Ng xác định vợ chồng có tài sản chung như sau:

Tại phiên tòa chị Ng yêu cầu chia căn nhà cấp 4A diện tích 137,4m<sup>2</sup> kết cấu móng đá chẻ, tường xây gạch ống, mái lợp tol kẽm, nền lát gạch men, gắn liền trên đất thổ cư diện tích 101m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 566035 do UBND huyện B B cấp ngày 26/3/2013 đứng tên Lê Minh H toạ lạc thôn B Ng, xã B T, huyện B B thống nhất trị giá nhà 428.000.000đồng.

- 01 xe Nouvo giá 12.000.000đồng ( H đã bán)

Tổng cộng **440.000.000đồng**

Chị Ng yêu cầu nhận tiền chênh lệch 220.000.000đồng, anh H nhận nhà, 01 chiếc xe Nouvo ( H đã bán) và hoàn lại tiền cho chị Ng .

- Về nợ chung: Vợ chồng thỏa thuận mỗi người tự trả không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Đối với đất ông Phạm S, vợ chồng xây nhà vào năm 2015, khi xây nhà lần đất , ông S cũng đồng ý cho xây dựng. Khi vợ chồng ly hôn, chia tài sản chung thì ông S khởi kiện đòi thu hồi lại đất vợ chồng đã xây lần sang đất ông Phạm S. Tại phiên tòa chị Ng cho rằng khi xây nhà có lần đất của ông Phạm S và ông đồng ý cho xây khi vợ chồng ly hôn chị không yêu cầu chia đất thổ cư chỉ yêu cầu chia căn nhà do đó anh H nhận đất thì phải có trách nhiệm với ông Phạm S.

**Bị đơn anh Lê Minh H trình bày:** Thống nhất như lời trình bày của chị Ng vợ chồng sống với nhau từ năm 2010 có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B T năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh cuộc sống bình thường. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ lối sống của nhau nên có sung đột lẫn nhau và chị Ng trở về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay, vì vợ chồng ly thân nhau đã lâu nên không còn tình cảm nữa. Anh H có vào nhà cha mẹ chị Ng xin lỗi vợ và tất cả gia đình bên vợ nhưng chị Ng không trở về. Hôm nay chị Ng xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011, hiện nay con đang ở với chị Ng. Anh H đồng ý để chị Ng nuôi con Lê Minh Kh và không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như chị Ng trình bày, đối với đất thổ cư diện tích 101m<sup>2</sup> là đất của ông ngoại cho là tài sản riêng của anh H nên không đồng ý là tài sản chung để chia. Căn nhà là tài sản chung của vợ chồng xây dựng vào năm 2015 và 01 chiếc xe Nouvo anh H đã bán. Đối với nợ chung mỗi người ai cũng có nợ do vay mượn xây nhà nên anh H yêu cầu nợ mỗi người tự trả không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Lê Minh H yêu cầu nhận căn nhà và xe hoàn tiền chênh lệch cho chị Ng là 220.000.000đồng.

- Đối với đất ông Phạm S trước đây khi lập gia đình ông ngoại có cho đất để xây nhà chiều ngang 5,5m và sau khi lập gia đình và xây nhà có lấn chiếm 0,5m của ông Phạm S, lúc xây nhà ông có nói làm đúng số đất đã cho nhưng do thấy đất còn nhiều nên vợ chồng làm luôn chiều ngang 6m. Đến bây giờ ông S biết xây nhà vi phạm đất nên đòi lấy đất. Anh H đồng ý trả lại đất cho ông S, chứ không trả tiền theo giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn Q trình bày: Nguyên ông Phạm S sở hữu một thửa đất tọa lạc thôn B Ng, xã B T đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 ông S cho cháu H 01 lô đất thổ cư chiều ngang 5,5m chiều dài 18,57m tổng diện tích 101m<sup>2</sup> đã có giấy CNQSD đất. Sau khi lập gia đình năm 2015 cháu H xây nhà ở, khi xây xong mới biết là cát nhà lấn đất với chiều ngang 0.5m và chiều dài 18,57m. Nay vợ chồng ly hôn ông S yêu cầu vợ chồng phải trả đất cho ông.

#### **Tại phiên tòa:**

Chị Trần Xuân Bảo Ng vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định tại các điều 28,68, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71 và 234 Bộ luật

tổ tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự .  
Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 219 Bộ luật dân sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Trần Xuân Bảo Ng tiếp tục nuôi con Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011. Anh Lê Minh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Minh Kh 500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Kh trưởng thành.
- Tài sản chung: Anh Lê Minh H nhận căn nhà cấp 4A diện tích 137,4m<sup>2</sup> tọa lạc thôn B Ng, xã B T, huyện B B trị giá 428.000.000đồng và chiếc xe Nouvo trị giá 12.000.000đồng, hoàn tiền chênh lệch cho chị Ng là 220.000.000đồng.
- Về nợ chung: Mỗi người tự trả không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Đối với đất ông Phạm S, vợ chồng xây nhà vào năm 2015, khi xây nhà lấn đất diện tích 36,4m<sup>2</sup>. Đề nghị giao cho anh Lê Minh H tự giải quyết và có trách nhiệm với ông Phạm S vì anh H nhận tài sản nhà và đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Minh H và ông Phạm Văn Q người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Minh H và ông Phạm Văn Q vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Minh H và ông Phạm Văn Q.

[2]Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng xảy ra cãi nhau và nhiều lần chị Ng bị đánh đập , có lần chị Ng phải nhập viện, trong cuộc sống nghi ngờ lối sống của nhau nên có sung đột lẫn nhau, vì vậy chị Ng trở về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Ng xin ly hôn anh H cũng đồng ý . Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung: Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay con Lê Minh Kh đang ở với chị Ng .Chị Ng yêu cầu nuôi con Lê Minh Kh và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 500.000đồng. Anh H không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử

xét thấy: Chị Ng hiện nay đang nuôi cháu Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011, theo qui định Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Mặc khác để đảm bảo quyền lợi của con Lê Minh Kh để chị Ng có điều kiện nuôi dưỡng con chung nên cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi là phù hợp.

**[5]** Tài sản chung:

- 01 căn nhà cấp 4A diện tích 137,4m<sup>2</sup> kết cấu móng đá chẻ, tường xây gạch ống, mái lợp tol kẽm, nền lát gạch men, gắn liền trên đất thổ cư diện tích 101m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 566035 do UBND huyện B B cấp ngày 26/3/2013 đứng tên Lê Minh H tọa lạc thôn B Ng, xã B T, huyện B B trị giá 428.000.000đồng

+ 01 xe Nouvo giá 12.000.000đồng

Tổng cộng **440.000.000đồng**

+ Chị Ng yêu cầu nhận tiền chênh lệch 220.000.000đồng do anh H nhận nhà, 01 chiếc xe Nouvo ( H đã bán).

+ Anh Lê Minh H yêu cầu nhận căn nhà và xe hoàn tiền chênh lệch cho chị Ng là 220.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy : Đối với yêu cầu chia tài sản chung căn nhà cấp 4A trị giá 428.000.000đồng và chiếc xe Nouvo anh H đã bán giá 12.000.000đồng là có cơ sở và phù hợp với sự đồng ý của anh H hoàn lại cho chị Ng 220.000.000đồng là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy chấp nhận tài sản chung nhà và xe trị giá 440.000.000đồng anh H nhận nhà và xe hoàn tiền chênh lệch cho chị Ng 220.000.000đồng.

**[6]** Đối với tranh chấp đòi lại đất của ông Phạm S cho cháu Lê Minh H đất thổ cư diện tích 101m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi lập gia đình anh H xây nhà vào năm 2015, khi xây nhà lán đất, ông S không có ý kiến gì để vợ chồng anh H xây xong nhà và ở cho đến khi ra Tòa ly hôn chia tài sản chung ông mới làm đơn yêu cầu đòi lại đất lán. Hội đồng xét xử xét thấy , tại phiên tòa hôm nay các bên đều chấp nhận xây nhà lán đất của ông Phạm S diện tích 36,4m<sup>2</sup> , xét thấy khi vợ chồng anh H và chị Ng ly hôn , tài sản căn nhà anh H nhận cũng là cháu của ông S. Về chia tài sản chung chị Ng không yêu cầu chia đất thổ cư chỉ yêu cầu chia căn nhà cấp 4A. Do đó, việc xây nhà lán đất anh H phải có trách nhiệm trả lại ông Phạm S diện tích đất 36,4m<sup>2</sup>”.

**[7]**Về án phí: Chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Phạm S 100 tuổi thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí DSST.

**[8]** Về lệ phí: Chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H chịu chi phí định giá.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** - Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 38, Điều 51, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 219 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 10 chương II Luật phí và lệ phí số 97/ 2015/ QH13 ngày 25/11/2015 ;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử :**

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H.

2. Về con chung: Chị Trần Xuân Bảo Ng tiếp tục nuôi con chung: Lê Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011. Anh Lê Minh H cấp dưỡng tiền nuôi con Lê Minh Kh 500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Kh trưởng thành. Anh Lê Minh H được Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

\* Anh Lê Minh H nhận:

- Căn nhà cấp 4A diện tích 137,4m<sup>2</sup> kết cấu móng đá chẻ, tường xây gạch ống, mái lợp tol kẽm, nền lát gạch men, gắn liền trên đất thổ cư diện tích 101m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 566035 do UBND huyện B B cấp ngày 26/3/2013 đứng tên Lê Minh H tọa lạc thôn B Ng, xã B T, huyện B B trị giá 428.000.000đồng

+ 01 xe Nouvo giá 12.000.000đồng

**Tổng cộng 440.000.000đồng**

-Anh Lê Minh H có trách nhiệm hoàn tiền chênh lệch chia tài sản chung cho chị Trần Xuân Bảo Ng là **220.000.000đồng** ( Hai trăm hai mươi triệu đồng). Anh Lê Minh H có trách nhiệm trả lại ông Phạm S diện tích đất 36,4m<sup>2</sup> do xây nhà lấn đất.

\* Chị Trần Xuân Bảo Ng nhận số tiền 220.000.000đồng ( Hai trăm hai mươi triệu đồng) do anh Lê Minh H hoàn tiền chênh lệch chia tài sản chung.

4. Về án phí: : Chị Trần Xuân Bảo Ng phải nộp 150.000 đồng án phí DSST về thuận tình ly hôn nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015408 ngày 05/ 10 /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B B. Hoàn trả lại cho chị Trần Xuân Bảo Ng 150.000đồng tiền tạm ứng án phí DSST.

- Chị Trần Xuân Bảo Ng phải nộp 11.000.000đồng án phí DSST về chia tài sản chung nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.075.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015409 ngày 05/ 10 /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B B. Chị Ng còn phải nộp 1.925.000đồng án phí DSST.

- Anh Lê Minh H phải nộp 450.000 đồng án phí DSST về thuận tình ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và 11.300.000đồng án phí DSST về chia tài sản chung.

- Miễn án phí DSST đối với ông Phạm S được hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0015718 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án Huyện B B.

5. Về lệ phí: Chị Trần Xuân Bảo Ng và anh Lê Minh H mỗi người phải chịu 500.000đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản. Chị Trần Xuân Bảo Ng đã nộp 1.000.000đồng tiền lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản nên anh Lê Minh H phải hoàn lại cho chị Ng 500.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện B.B;
- THADS huyện B.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ THỊ PHƯỢNG**

